

Số: 785/QĐ-LDA

Lâm Đồng, ngày 02 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Hồ sơ mời nhà cung cấp thực hiện Gói cung cấp
Sửa chữa lớn băng tải thu sản phẩm máy rửa cánh vuông
TR.01.Bc101, TR.01.Bc102

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV NHÔM LÂM ĐỒNG - TKV

Căn cứ Công văn số 696/TKV-CV ngày 24/02/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc hướng dẫn trình tự, hồ sơ chào hàng cạnh tranh sửa chữa tài sản cố định là thiết bị;

Căn cứ Quy định lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TKV ngày 02/01/2024;

Căn cứ Quy định về lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ phục vụ và duy trì hoạt động sản xuất thường xuyên, liên tục trong Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV ban hành kèm theo Quyết định số 179/QĐ-LDA ngày 19/01/2024;

Căn cứ vào Quyết định số 2535/QĐ-LDA ngày 30/12/2023 về việc ban hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV;

Căn cứ Phương án số 58/PA-LDA ngày 05/01/2024 về việc Sửa chữa lớn băng tải thu sản phẩm máy rửa cánh vuông TR.01.Bc101, TR.01.Bc102;

Quyết định số 449/QĐ-LDA ngày 27/02/2024 về việc kiện toàn Tổ tư vấn lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ phục vụ và duy trì hoạt động sản xuất thường xuyên, liên tục trong Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-LDA ngày 07/03/2024 của Giám đốc Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV về việc phê duyệt dự toán Phương án: Sửa chữa máy rửa cánh vuông TR.01.EV02;

Căn cứ Quyết định số 636/QĐ-LDA ngày 18/03/2024 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp thực hiện gói cung cấp: Sửa chữa lớn băng tải thu sản phẩm máy rửa cánh vuông TR.01.Bc101, TR.01.Bc102.

Xét Tờ trình số 203/TTr-TTV ngày 29/3/2024 của Tổ tư vấn LCNCC về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá(BYCBG) gói cung cấp: Sửa chữa lớn băng tải vào máy đập trục răng TR.01.BC201, TR.01.BC202 và Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định ngày 01/4/2024

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá (BYCBG) Gói cung cấp: Sửa chữa lớn băng tải thu sản phẩm máy rửa cánh vuông TR.01.Bc101, TR.01.Bc102 với các nội dung sau:

1. Nội dung BYCBG Gói cung cấp: Sửa chữa lớn băng tải thu sản phẩm máy rửa cánh vuông TR.01.Bc101, TR.01.Bc102 như chi tiết kèm theo Quyết định này.

2. Thời gian và trình tự các bước thực hiện:

2.1. Thời gian bắt đầu phát hành HSMCC: Không quá 05 ngày kể từ ngày ký Quyết định này;

2.2. Thời gian hết hạn nộp HSDX: Không ít hơn 03 ngày làm việc kể từ ngày đầu tiên phát hành BYCBG;

2.3. Thời gian và địa điểm mở, xét HSDX:

- Thời gian mở HSDX: Ngay sau thời điểm hết hạn nộp HSDX;

- Địa điểm mở và xét HSDX: Tại trụ sở Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ tư vấn LCNCC, Tổ thẩm định hồ sơ LCNCC thuộc Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, KHTT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phòng

Mẫu số PL02-1
BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ
SỬA CHỮA THIẾT BỊ TRONG NỘI BỘ TKV

Tên thiết bị sửa chữa: Băng tải thu sản phẩm máy rửa cánh vuông TR.01.Bc101, TR.01.Bc102.

Đơn vị: Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV (LDA).

Ban hành kèm theo Quyết định số: 785/QĐ-LDA ngày 02/04/2024 của Giám đốc Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV.

Đại diện bên mời nhà cung cấp
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÔM
LÂM ĐỒNG – TKV
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phòng

Chương I. YÊU CẦU NỘI BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên Bên mời cung cấp dịch vụ là: Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV (LDA).

2. Bên mời cung cấp dịch vụ mời các Nhà cung cấp dịch vụ tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) nội dung sửa chữa: Sửa chữa lớn băng tải thu sản phẩm máy rửa cánh vuông TR.01.Bc101, TR.01.Bc102.

Mục 2. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp dịch vụ phải nộp đơn chào hàng cạnh tranh và bảng tổng hợp chào giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 (02-1; 02-2; 02-3) Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do Nhà cung cấp dịch vụ ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện Nội dung sửa chữa trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

3. Đề xuất giảm giá (nếu có) được đề xuất trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời cung cấp dịch vụ nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp dịch vụ cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 3. Thành phần báo giá

Báo giá do Nhà cung cấp dịch vụ chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng cạnh tranh (mẫu số 01; theo biểu mẫu quy định tại chương III). Nhà cung cấp chỉ được nộp 01 đơn chào giá theo quy định. Đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu; thời gian ký đơn chào giá phải sau thời điểm phát hành BYCBG; không đề xuất các giá chào giá khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời cung cấp;

2. Bảng tổng hợp giá chào (mẫu số 02-1; theo biểu mẫu quy định tại chương III). Nhà cung cấp chỉ được nộp 01 bảng tổng hợp giá chào theo quy định, trường hợp có từ 02 bảng tổng hợp chào giá trở lên thì xem như hồ sơ được đánh giá không hợp lệ về tính hợp lệ;

3. Chi phí vật tư vật liệu (mẫu số 02-2; theo biểu mẫu quy định tại chương III);

4. Chi phí nhân công trực tiếp (mẫu số 02-3; theo biểu mẫu quy định tại chương III);

5. Các bản vẽ lắp đặt đối với các vật tư, phụ tùng gia công, chế tạo (trường hợp mua mới phải có thêm Catalog của Nhà sản xuất), thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật tương thích với thiết bị hiện hữu của LDA.

Mục 4. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp HSDX.

Mục 5. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà cung cấp tham gia chào giá phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử như sau:

- Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV (thông qua phòng Kế hoạch tiêu thụ).

- Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, Gmail: hoaha.alumina@gmail.com. Điện thoại: 0374652374.

(Để đảm bảo tính cạnh tranh, khách quan giữa các nhà cung cấp tham gia chào giá, Bên mời nhà cung cấp đề nghị nhà cung cấp trường hợp nộp HSDX file điện tử có cài đặt password (tự động mở ngay khi hết thời gian nộp HSDX))

2. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng Nhà cung cấp tham gia chào giá.

3. Bên mời chào giá so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, Bên mời cung cấp dịch vụ có thể mời các Nhà cung cấp đến làm rõ các nội dung có liên quan. Tuy nhiên, các nội dung làm rõ sẽ không ảnh hưởng đến giá chào chung của Nhà cung cấp.

Mục 6. Điều kiện xét duyệt nhà cung cấp được lựa chọn

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất và không vượt dự toán Nội dung sửa chữa được duyệt.

3. Có các bản vẽ lắp đặt đối với các vật tư, phụ tùng gia công, chế tạo (trường hợp mua mới phải có thêm Catalog của Nhà sản xuất) có các thông số kỹ thuật tương thích với thiết bị hiện hữu của LDA.

Mục 7. Công khai kết quả lựa chọn Nhà cung cấp

Kết quả lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ sẽ được gửi đến tất cả Nhà cung cấp

tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email.

Mục 8. Giải quyết kiến nghị

Nhà cung cấp có quyền kiến nghị (bằng văn bản) về kết quả lựa chọn Nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng. Trong thời hạn 5 ngày kể từ khi nhận được văn bản kiến nghị, Bên mời chào giá phải mời Nhà cung cấp dịch vụ đến làm việc để giải đáp hoặc đàm phán các nội dung kiến nghị. Nếu hai bên làm việc không đạt kết quả, Bên Nhà cung cấp báo cáo để TKV xem xét giải quyết.

Chương II. YÊU CẦU CỦA NỘI DUNG SỬA CHỮA

Mục 1. Giới thiệu về Nội dung sửa chữa

Bên mời chào giá giới thiệu các thông tin cơ bản như:

1.1. Thông tin về tài sản:

Tên tài sản: Sửa chữa lớn băng tải thu sản phẩm máy rửa cánh vuông TR.01.Bc101, TR.01.Bc102.

1.2. Tình trạng kỹ thuật của thiết bị:

Băng tải TR.01.Bc101, TR.01.Bc102 với chức năng thu sản phẩm Máy rửa cánh vuông, được bố trí lắp đặt dây chuyền 1 băng tải Tr.01.Bc101, dây chuyền 2 băng tải Tr.01.Bc102, có thiết kế công năng sử dụng giống nhau và đưa vào sử dụng cùng một thời điểm. Tiến hành kiểm tra tình trạng kỹ thuật có hiện trạng như sau:

❖ Phần mặt băng tải.

Mặt băng tải mòn đến các lớp bố vải, mặt băng tải nhỏ hẹp thường xuyên bị tràn quặng lẫn bùn ra bên ngoài ở tải cao, thường xuyên bị lệch băng tải.

❖ Khung dầm kết cấu.

- Khung dầm kết cấu bị ăn mòn rỉ sét, liên kết khung dầm yếu xuống cấp, khi băng tải hoạt động mặt băng thường xuyên bị lệch đảo dẫn đến mặt băng tải mòn, đập mép băng;

- Các cụm giá đỡ con lăn trên, dưới rỉ sét cong vênh, khi lắp con lăn không đồng phẳng đồng tâm dẫn đến mặt băng tiếp xúc cụm con lăn không đều.

❖ Cụm truyền động.

- Các ru lô dẫn động bị mòn lớp cao su xẻ rãnh, mòn thân ru lô, ổ gối vòng bi và trục có hiện tượng rơ đảo, khớp nối mòn, trượt đã gia cố nhiều lần.

❖ Máng phễu chuyển liệu.

- Các thành che chắn mòn cong vênh, phễu chuyển liệu bị rò rỉ liệu ra bên ngoài gây mất vệ sinh công nghiệp.

❖ Cụm gạt băng tải, phễu thu sản phẩm sản phẩm sau gạt.

Cụm gạt băng tải, phễu thu sản phẩm sản phẩm sau gạt, bị mòn rỉ sét, xỉ bùn văng bắn khu vực nền xưởng.

❖ Cụm động cơ liền hộp giảm tốc, khớp nối.

Cụm chân đế rỉ sét, động cơ hộp giảm tốc độ rung, nhiệt độ có xu hướng tăng, hộp giảm tốc xỉ dầu bôi trơn.

❖ Cụm hệ thống điện.

- Cụm dây điện và các thiết bị điều khiển băng tải hoạt động ổn định, tình trạng thiết bị bình thường.

➤ Với các hiện trạng nêu trên nếu không được sửa chữa sẽ không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của thiết bị, không đáp ứng được sản lượng sản xuất quặng tinh cấp cho nhà máy Alumina làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất chung của Công ty.

1.3. Quy trình kỹ thuật sửa chữa, cấp sửa chữa, nội dung cần sửa chữa ngoài quy trình và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị sau khi sửa chữa theo phương án số 58/PA-LDA ngày 05/01/2024.

Mục 2. Yêu cầu về tiến độ

Tiến độ của nội dung sửa chữa: Tối đa 15 ngày/1 thiết bị tính từ thời điểm bàn giao mặt bằng thi công (thời gian bao gồm các ngày nghỉ, ngày lễ và cung cấp vật tư (nếu có)). Thời gian cụ thể, Bên mời nhà cung cấp sẽ thông báo cho Nhà cung cấp trước 05 ngày và Nhà cung cấp phải tập kết đầu đủ thiết bị, vật tư, nhân công tại công trường thi công tối đa 03 ngày kể từ ngày thi công.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Quy định phương thức nghiệm thu vật tư, phụ tùng trước khi đưa vào sửa chữa:

Yêu cầu nghiệm thu vật tư, thiết bị đầu vào trước khi lắp đặt. Đối với các vật tư, thiết bị nhập khẩu phải có chứng nhận CO, CQ phôi tô công chứng (Với các vật tư có CO, CQ là ngôn ngữ nước ngoài cần phải dịch thuật thành tiếng Việt). Đối với các vật tư trong nước phải có chứng nhận xuất xưởng/catalog. Tất cả các vật tư, thiết bị phải trình chủ đầu tư kiểm tra, thẩm định chất lượng và duyệt trước khi lắp đặt.

Các loại vật tư/phụ tùng thay thế, Nhà cung cấp dịch vụ phải cung cấp các giấy tờ liên quan đến hàng hóa cho Bên mời thầu (Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ), giấy cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa đối với vật tư trong nước. Nếu nhà cung cấp là đơn vị trực tiếp nhập khẩu nguyên lô, theo hợp đồng thì phải giao bản gốc CO/CQ. Trường hợp nhà cung cấp nhập khẩu lô lớn để phân phối/bán lẻ, hoặc không phải là đơn vị nhập khẩu trực tiếp thì bên Nhà cung cấp phải cấp bản sao CO/CQ (nếu Nhà cung cấp nộp bản sao thì phải được sao y có chứng thực của cơ quan công chứng) và chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về tính trung thực CO/CQ. Để Bên mời thầu tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng và nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng. Ngoài ra với các vật tư có CO/CQ là ngôn ngữ tiếng nước ngoài cần phải dịch thuật thành sang tiếng Việt bởi đơn vị có thẩm quyền.

2. Quy định chế độ nghiệm thu các cụm, hệ thống; nghiệm thu chạy thử thiết bị không tải, có tải và nghiệm thu bàn giao thiết bị sau khi hoàn thành: Đảm bảo các thông số kỹ thuật như sau:

Các quy định, tiêu chuẩn được áp dụng:

- Quyết định số 343/QĐ-LDA ngày 29/3/2018 ban hành “Quy định về tiêu chuẩn lắp đặt, sửa chữa, gia công các thiết bị trong Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng”;

- Quyết định số 607/QĐ-LDA ngày 25/5/2021 ban hành Bộ tiêu chuẩn sửa chữa, lắp đặt cho các thiết bị loại I trong Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng” (CĐ. TCLĐ.02);

- Căn cứ quyết định số 579/QĐ-LDA ngày 29/3/2023 về việc ban hành quy định sửa chữa lớn tài sản cố định trong Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm ĐồngTKV;

- Thành phần tham gia nghiệm thu phải đầy đủ, đúng thời gian và địa điểm theo Quy định hiện hành của Công ty.

- Các nội dung trong quá trình nghiệm thu được áp dụng theo các quy định của Nhà nước và Công ty ban hành.

- Đơn vị thực hiện có trách nhiệm mời các thành phần nghiệm thu theo quy định để nghiệm thu sau khi thực hiện sửa chữa xong.

- Khối lượng nghiệm thu theo khối lượng thực hiện thực tế để làm cơ sở thanh quyết toán.

3. Quy định thời hạn bảo hành và cách thức thực hiện chế độ bảo hành khi xảy ra sai sót sau khi thiết bị sửa chữa xong đưa vào hoạt động:

- Bảo hành thiết bị 12 tháng.

Trong thời gian bảo hành khi hệ thống, thiết bị có hư hỏng hoặc lỗi thì Bên nhà cung cấp trong vòng 02 ngày (Kể từ khi có thông báo của LDA, Thông báo sẽ được gửi trực tiếp tới nhà cung cấp qua thư điện tử/liên hệ trực tiếp/gửi công văn tới nhà cung cấp) phải bố trí nhân lực kiểm tra, sửa chữa ngay cho LDA (yêu cầu việc khắc phục phải được thực hiện xong trong vòng 01 ngày) để đảm bảo đáp ứng sản xuất của công ty. Thời hạn bảo hành phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của Bên nhà cung cấp.

Trường hợp Bên B không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được Bên A quy định, Bên A có thể thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Bên B sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này đồng thời tước thu toàn bộ giá trị bảo hành giữ lại. Ngoài ra, việc chậm trễ trong công tác bảo hành của Bên B gây ra thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị thiệt hại đó.

Yêu cầu về kỹ thuật thi công sửa chữa:

❖ Yêu cầu kỹ thuật gia công & lắp đặt

- Yêu cầu kỹ thuật chung về chế tạo, lắp ráp và nghiệm thu “ yêu cầu kỹ thuật về đo kiểm, nắn uốn lập hình lấy dấu cắt uốn gia công và chế tạo, giá trị dung sai cho phép, lắp ráp thử, hàn và chất lượng, nghiệm thu”;

- Toàn bộ các vật tư, phụ tùng gia công phải có độ chính xác, thẩm mỹ và chất lượng cao, ngoài ra còn đảm bảo tuyệt đối đúng kích thước. Lắp đặt phù hợp và tương thích với thiết bị hiện hữu của LDA;

- Toàn bộ hệ thống phải lắp đặt theo thứ tự, vị trí theo thứ tự tháo và lắp đảm bảo đúng theo kích thước, cao độ thiết kế ban đầu của thiết bị;

- Công tác cắt gọt kim loại, vệ sinh bề mặt kim loại trước khi hàn phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn ngành đảm bảo đúng kích thước hình học chuẩn bị phối hàn;

- Các mối ghép gia công, mối ghép lắp đặt phải đảm bảo chính xác đảm bảo các điều kiện tốt nhất trước khi hàn và lắp ghép như: Vát mép, góc cắt, góc mài, song mài, độ cong vênh, uốn hình học, khe hở ghép hàn, cung độ, góc nghiêng, cao độ,...

- Quá trình lắp ghép các phụ tùng, thiết bị yêu cầu mối hàn ghép phải kín tuyệt đối, chiều cao và chiều dài đường hàn phải đúng vị trí, góc nghiêng và không rạn nứt hoặc ngậm xỉ;

- Các bu lông liên kết phải được sử dụng loại bu lông cường độ cao. Đảm bảo chắc chắn, an toàn cho thiết bị trong thời gian hoạt động lâu dài;

- Đối với Mặt bằng tải: Phải còn nguyên vẹn không bị trầy xước, khuyết... trong quá trình lắp đặt, dán nối chạy đồng tâm không bị đảo, lệch băng. Mối nối băng tải bóng mịn, không bị rỗ, lệch;

- Đối với khung dầm băng tải: Mối hàn là đường hàn liên tục suốt chiều dài tiếp xúc giữa hai chi tiết, chiều cao hàn $h=6\text{mm}$. Vệ sinh mối hàn, khung dầm sơn hai lớp chống gỉ và một lớp sơn màu. Dung sai toạ độ các lỗ so với kích thước danh nghĩa không quá $0,2\text{mm}$. Các chi tiết sau khi hoàn thiện không bị cong vênh biến dạng;

- Đối với các giá đỡ con lăn, con lăn: Giá đỡ lắp đặt chắc chắn, đảm bảo sự cân bằng, đồng tâm với khung dầm băng tải. Các con lăn quay nhẹ nhàng, êm không bị cản kẹt trong quá trình hoạt động của băng tải;

- Đối với hệ thống phễu chuyển liệu, che chắn: Lắp đặt chắc chắn, không rò rỉ, văng bắn quặng ra bên ngoài.

❖ Yêu cầu kỹ thuật hàn

- Mối hàn phải đạt độ ngấu cao, không có khuyết tật và hồ quang cũng không được chảy rỉ vào bên trong ống;

- Phối, kết cấu gia công phải được ghép với nhau bằng cách hàn sử dụng phương pháp hàn hồ quang tay tại vị trí cố định;

- Sau khi quá trình hàn, mỗi lớp hàn phải được mài vệ sinh xỉ để đảm bảo kỹ thuật cho mối hàn mới được tiếp tục hàn lớp sau;

- Sau mỗi công đoạn hàn hoàn thiện theo công đoạn đơn vị thi công phải có trách nhiệm mời chủ đầu tư là LDA phối hợp kiểm tra hiện trạng, siêu âm mối hàn đảm bảo đạt yêu cầu trước khi chuyển bước tiếp theo đúng quy định và tiêu chuẩn ngành hàn.

❖ Yêu cầu kỹ thuật sơn

- Làm sạch các kết cấu khung dầm theo độ sạch, Sơn trong điều kiện khô ráo, các lớp sơn bóng mịn, đảm bảo độ dày theo yêu cầu. Khi sơn phải sơn liên tục để đảm bảo chất lượng, cũng như độ bám dính của các lớp sơn;

- Nghiệm thu tổng chiều dày các lớp sơn trên mặt thép: Theo TCVN 9760:2013 (ISO 2808:2007) Sơn và Vecni - Xác định độ dày màng kết hợp sử dụng các loại thiết bị đo chiều dày màng sơn ướt và khô;

❖ Yêu cầu về vệ sinh công nghiệp

- Rác thải sinh hoạt phải được thu gom và để trong thùng rác được LDA bố trí dọc các tuyến đường trong Nhà máy. Chất thải rắn thông thường (xi, xà bần không lẫn kiềm, hóa chất; rế cây, gỗ mục...) phải được thu gom, chở đổ thải ở Bãi thải chất thải rắn thông thường và phải do LDA chỉ dẫn đổ để đảm bảo mỹ quan. Chất thải nguy hại (dầu mỡ, giẻ lau dính dầu, ...) phải được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời các thùng chứa đã được LDA bố trí tại các PX ..., Quản đốc PX có trách nhiệm hướng dẫn đơn vị ngoài thực hiện tốt việc thu gom, phân loại và lưu giữ tạm thời tại các đơn vị.

- Sau mỗi ca sản xuất, ngày thi công đơn vị thực hiện phải tiến hành dọn dẹp, sắp xếp gọn gàng toàn bộ khu vực thi công đảm bảo vệ sinh công nghiệp.

❖ Yêu cầu về môi trường

- Yêu cầu phải có biện pháp thu hồi bụi trong quá trình thi công (như quạt hút thu hồi bụi đồng thời thông thoáng môi trường làm việc bên trong) đảm bảo không được để bụi bay lẫn vào khu vực khác ảnh hưởng đến các chỉ tiêu công nghệ và thiết bị. Hạn chế tối đa bụi phát tán ra ngoài môi trường;

- Khi tiến hành thi công để đảm bảo công tác vệ sinh môi trường phải có các giải pháp che chắn bằng bạt khu vực thi công không để bụi bay ra môi trường; Trong trường hợp bạt bị lủng rách cần phải được thay thế, che phủ kín kịp thời đảm bảo không để bụi bay ra ngoài môi trường.

❖ Yêu cầu các thông số vận hành nghiệm thu:

Đối với hộp giảm tốc

Độ rung hộp giảm tốc: $\leq 2,8$ mm/s.

Nhiệt độ hộp giảm tốc: $\leq 60^{\circ}\text{C}$.

Đối với động cơ điện

Độ rung động cơ: $\leq 2,8$ mm/s.

Nhiệt độ vỏ động cơ: $\leq 60^{\circ}\text{C}$.

Đối với ổ vòng bi trục ru lô chủ động và bị động

Độ rung: ≤ 3 mm/s.

Nhiệt độ: $\leq 60^{\circ}\text{C}$.

Mục 4. Bảng tiên lượng khối lượng.

Căn cứ bảng tiên lượng khối lượng nhà cung cấp tham gia chào giá theo nội dung sửa chữa bảng tiên lượng sau:

**BẢNG TIÊN LƯỢNG SỬA CHỮA LỚN BĂNG TẢI THU SẢN PHẨM
MÁY RỬA CÁNH VUÔNG TR.01.Bc101, TR.01.Bc102**

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	BĂNG TẢI TR01.BC101						
1	Tháo dỡ các thiết bị băng tải (kết cấu, sàn thao tác, ru lô chủ động, bị động, máng phễu chuyên liệu...)	tấn				5,277	
2	Bốc lên và vận chuyển 1km đầu máy và thiết bị có khối lượng ≤ 12 tấn	tấn				4,065	
3	Vận chuyển tiếp theo 1km ngoài hờ máy và thiết bị, khối lượng ≤ 12 tấn	tấn				4,065	
4	Bốc xuống máy và thiết bị trong sàn lắp máy - máy, thiết bị có khối lượng ≤ 12 tấn	tấn				4,065	
5	Bốc lên và vận chuyển 1km đầu, cụm truyền động về vị trí bảo dưỡng	tấn				0,312	

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
6	Vận chuyển tiếp 1 km ngoài hồ máy và thiết bị - máy, thiết bị có khối lượng \leq 12 tấn	tấn				0,312	
7	Bốc xuống máy và thiết bị ngoài nhà máy - máy, thiết bị có khối lượng \leq 12 tấn	tấn				0,312	
8	Tháo, đo kiểm tra đánh giá mức độ hư hỏng thiết bị, động cơ 3 KW	bộ				1,000	
9	Vệ sinh các chi tiết thiết bị, động cơ 3 KW	bộ				1,000	
10	Sơn cách điện cuộn dây, động cơ 3 KW	bộ				1,000	
11	Đưa động cơ vào máy sấy, động cơ 3 KW	bộ				1,000	
12	Lắp lại động cơ và kiểm tra động cơ, động cơ 3 KW	bộ				1,000	
13	Dùng máy phun sơn để sơn lại động cơ, động cơ 3 KW	bộ				1,000	
14	Chạy thử nghiệm không tải, có tải 3 kW	bộ				1,000	

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
15	Giải thể các chi tiết cụm truyền động	bộ				1,000	
16	Vệ sinh bề mặt bộ truyền động bằng dung môi tẩy rửa động cơ	bộ				1,000	
17	Lắp ráp, cân chỉnh các chi tiết	bộ				1,000	
18	Bốc lên và vận chuyển 1km đầu, cụm truyền động về vị trí lắp đặt	tấn				0,312	
19	Vận chuyển tiếp theo 1km ngoài hồ máy và thiết bị, khối lượng \leq 12 tấn	tấn				0,312	
20	Bốc xuống máy và thiết bị ngoài nhà máy - máy, thiết bị có khối lượng \leq 12 tấn	tấn				0,312	
21	Cung cấp, lắp đặt chi tiết khung đầu băng; đuôi băng; chân băng; khung dầm ... (băng tải B800, L=24m chế tạo trọn bộ); SS400 (1 bộ)	tấn			1,728		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
22	Cung cấp, lắp đặt Rulo bị động D400x950, Dtr=90mm(gồm gói đỡ SN518+vòng bi SKF22218E), bọc cao su xẻ rãnh 01 cái)	tán			0,265		
23	Cung cấp, lắp đặt Máng nhận liệu (Máng hứng) (02 bộ)	tán			0,296		
24	Cung cấp, lắp đặt Con lăn giảm chấn D127x275, L1=284, L2=305, Dtr=25mm, dày vỏ 4mm, chống nước	cái			36,000		
25	Cung cấp, lắp đặt Con lăn trên D127x275, L1=284, L2=305, Dtr=25mm, dày vỏ 4mm, chống nước	cái			42,000		
26	Cung cấp lắp đặt Ru lô chủ động D524x950, Dtr=100mm, bọc cao su xẻ	tán			0,377		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
	rãnh chịu mài mòn(gồm gối đỡ SNL520 +vòng bi SKF2220E) (01 bộ)						
27	Cung cấp, lắp đặt tang tăng góc ôm D250x950, Dtr=90mm (gồm gối đỡ SN518+vòng bi SKF22218E), bọc cao su xẻ rãnh (01 bộ)	tấn			0,104		
28	Cung cấp lắp đặt Bộ làm sạch băng trong (Chữ A) 01 bộ	tấn			0,029		
29	Cung cấp, lắp đặt Con lăn dưới D127x1000mm, L1=1034mm, L2=1040mm, Dtr=25mm, chống nước	cái			9,000		
30	Cung cấp, kéo rải Mặt băng tải B800x6P(EP300)x14mm, chịu mài mòn	10m			5,500		
31	Cung cấp lắp đặt Phễu chuyển quặng B925xL1390xH	tấn			0,424		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
	985mm, thép SS400, phần đáy thép chịu mài mòn HARDOX 500 (1 bộ)						
32	Cung cấp lắp đặt Giá đỡ con lăn trên B800; SS400 (26 cái)	tấn			0,300		
33	Cung cấp, lắp đặt Giá đỡ điều hướng B800 (Trục xoay, giá đỡ con lăn, 03 con lăn, 02 con lăn chặn biên VL chế tạo SS400) (2 bộ)	tấn			0,038		
34	Cung cấp, lắp đặt Gạt băng tải thứ cấp B800, loại H B800, loại H (VL chế tạo: Trục đỡ, tay đòn, thanh nẹp bằng SUS 304, tấm gạt bằng nhựa PU chịu mài mòn cao) (1 bộ)	tấn			0,058		
35	Cung cấp, lắp đặt Khớp nối chốt bu lông truyền lực, vòng đệm cao su giảm chấn đầu (Đầu	tấn			0,032		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
	ra HGT D320xL140mm , Đầu ra Ru lô D320XL105m m, VL C45						
36	Lắp đặt bộ truyền động băng tải	tấn				0,280	
37	Dán băng tải (loại băng tải không lõi thép), chiều rộng băng tải $\leq 800\text{mm}$	mỗi dán				1,000	
II	BĂNG TẢI TR01.BC102						
1	Tháo dỡ các thiết bị băng tải (kết cấu, sàn thao tác, ru lô chủ động, bị động, máng phễu chuyển liệu...)	tấn				5,277	
2	Bốc lên và vận chuyển 1km đầu máy và thiết bị có khối lượng ≤ 12 tấn	tấn				4,065	
3	Vận chuyển tiếp theo 1km ngoài hờ máy và thiết bị, khối lượng ≤ 12 tấn	tấn				4,065	
4	Bốc xuống máy và thiết bị trong sàn lắp máy -	tấn				4,065	

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
	máy, thiết bị có khối lượng \leq 12 tấn						
5	Bốc lên và vận chuyển 1km đầu, cụm truyền động về vị trí bảo dưỡng	tấn				0,312	
6	Vận chuyển tiếp 1 km ngoài hồ máy và thiết bị - máy, thiết bị có khối lượng \leq 12 tấn	tấn				0,312	
7	Bốc xuống máy và thiết bị ngoài nhà máy - máy, thiết bị có khối lượng \leq 12 tấn	tấn				0,312	
8	Tháo, đo kiểm tra đánh giá mức độ hư hỏng thiết bị, động cơ 3 KW	bộ				1,000	
9	Vệ sinh các chi tiết thiết bị, động cơ 3 KW	bộ				1,000	
10	Sơn cách điện cuộn dây, động cơ 3 KW	bộ				1,000	
11	Đưa động cơ vào máy sấy, động cơ 3 KW	bộ				1,000	
12	Lắp lại động cơ và kiểm tra động cơ, động	bộ				1,000	

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
	cơ 3 KW						
13	Dùng máy phun sơn để sơn lại động cơ, động cơ 3 KW	bộ				1,000	
14	Chạy thử nghiệm không tải, có tải 3 kW	bộ				1,000	
15	Giải thể các chi tiết cụm truyền động	bộ				1,000	
16	Vệ sinh bề mặt bộ truyền động bằng dung môi tẩy rửa động cơ	bộ				1,000	
17	Lắp ráp, cân chỉnh các chi tiết	bộ				1,000	
18	Bốc lên và vận chuyển 1km đầu, cụm truyền động về vị trí lắp đặt	tấn				0,312	
19	Vận chuyển tiếp theo 1km ngoài hờ máy và thiết bị, khối lượng \leq 12 tấn	tấn				0,312	
20	Bốc xuống máy và thiết bị ngoài nhà máy - máy, thiết bị có khối lượng \leq 12 tấn	tấn				0,312	
21	Cung cấp, lắp đặt chi tiết	tấn			1,728		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
	khung đầu băng; đuôi băng; chân băng; khung dầm ...(băng tải B800, L=24m chế tạo trọn bộ); SS400 (1 bộ)						
22	Cung cấp, lắp đặt Rulo bị động D400x950, Dtr=90mm(gồm gói đỡ SN518+vòng bi SKF22218E), bọc cao su xẻ rãnh (1 cái)	tân			0,265		
23	Cung cấp, lắp đặt Máng nhận liệu (Máng hứng) (2 bộ)	tân			0,296		
24	Cung cấp, lắp đặt Con lăn giảm chấn D127x275, L1=284, L2=305, Dtr=25mm, dày vỏ 4mm, chống nước	cái			36,000		
25	Cung cấp, lắp đặt Con lăn trên D127x275, L1=284, L2=305, Dtr=25mm, dày	cái			42,000		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
	vỏ 4mm, chống nước						
26	Cung cấp lắp đặt Ru lô chủ động D524x950, Dtr=100mm, bọc cao su xẻ rãnh chịu mài mòn(gồm gối đỡ SNL520 +vòng bi SKF2220E) (01 bộ)	tấn			0,377		
27	Cung cấp, lắp đặt tang tăng góc ôm D250x950, Dtr=90mm (gồm gối đỡ SN518+vòng bi SKF22218E), bọc cao su xẻ rãnh (01 bộ)	tấn			0,104		
28	Cung cấp lắp đặt Bộ làm sạch băng trong (Chữ A) 01 bộ	tấn			0,029		
29	Cung cấp, lắp đặt Con lăn dưới D127x1000mm, L1=1034mm, L2=1040mm, Dtr=25mm, chống nước	cái			9,000		
30	Cung cấp, kéo	10m			5,500		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
	rải Mặt băng tải B800x6P(EP300)x14mm, chịu mài mòn						
31	Cung cấp lắp đặt Phễu chuyển quặng B925xL1390xH 985mm, thép SS400, phần đáy thép chịu mài mòn HARDOX 500 (1 bộ)	tấn			0,424		
32	Cung cấp lắp đặt Giá đỡ con lăn trên B800; SS400 (26 cái)	tấn			0,300		
33	Cung cấp, lắp đặt Giá đỡ điều hướng B800 (Trục xoay, giá đỡ con lăn, 03 con lăn, 02 con lăn chặn biên VL chế tạo SS400 (02 bộ)	tấn			0,038		
34	Cung cấp, lắp đặt Gạt băng tải thứ cấp B800, loại H B800, loại H (VL chế tạo: Trục đỡ, tay đòn, thanh nẹp bằng SUS 304, tấm gạt bằng nhựa PU chịu mài mòn	tấn			0,058		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
	cao) (1 bộ)						
35	Cung cấp, lắp đặt Khớp nối chốt bu lông truyền lực, vòng đệm cao su giảm chấn đầu (Đầu ra HGT D320xL140mm, Đầu ra Ru lô D320XL105m m, VL C45	tấn			0,032		
36	Lắp đặt bộ truyền động băng tải	tấn				0,280	
37	Dán băng tải (loại băng tải không lõi thép), chiều rộng băng tải $\leq 800\text{mm}$	mỗi dán				1,000	
III	Các Vật liệu chính						
1	Chi tiết khung đầu băng; đuôi băng; chân băng; khung dầm ... (băng tải B800, L=25m chế tạo trọn bộ) thay thế kết cấu băng tải cũ B650; L=24m	Bộ	B800x L=25m (Chi tiết gia công chế tạo thép U120x52x1320mm và U140x58x1320mm) Vật liệu SS400		2,000		
2	Phễu chuyển quặng	Bộ	B925xL1390xH985mm, thép chịu mài mòn HARDOX 500		2,000		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
3	Máng nhận liệu	Bộ	L1865xB1100xH450 Vật liệu SS400		4,000		
4	Con lăn trên	Cái	D127x275, L1=284, L2=305, Dtr=25mm, dày vỏ 4mm, chống nước		84,000		
5	Con lăn trên giảm chấn	Cái	D127x275, L1=284, L2=305, Dtr=25mm, bọc cao su dày vỏ 4mm, chống nước		72,000		
6	Con lăn dưới	Cái	D127x1000mm, L1=1034mm, L2=1040mm, Dtr=25mm, chống nước		18,000		
7	Giá đỡ con lăn trên B800	Cái	L=1120, H337, B200, Vật liệu SS400		52,000		
8	Ru lô chủ động	Bộ	D524x950, Dtr=100mm, bọc cao su xẻ rãnh chịu mài mòn(gồm gối đỡ SNL520 +vòng bi SKF2220E)		2,000		
9	Rulo bị động	Bộ	D400x950, Dtr=90mm(gồm gối đỡ SN518+vòng bi SKF22218E), bọc cao su xẻ rãnh		2,000		
10	Khớp nối	Bộ	Chốt bu lông truyền lực, vòng đệm cao su giảm chấn đầu (Đầu ra HGT D320xL140mm, Đầu ra Ru lô D320XL105mm, VL C45)		2,000		
11	Mặt băng tải	Mét	B800x6P(EP300)x14m m, chịu mài mòn		110,000		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
12	Bộ làm sạch băng trong (Chữ A)		L890xB501xH90 (VL chế tạo: Trục đỡ, tay đòn, thanh nẹp bằng SS400 tấm gạt cao su)		2,000		
13	Gạt băng tải thứ cấp	Bộ	B800, loại H (VL chế tạo: Trục đỡ, tay đòn, thanh nẹp bằng SUS204, tấm gạt bằng nhựa PU chịu mài mòn cao)		2,000		
14	Giá đỡ điều hướng băng	Bộ	B850 (Trục xoay, giá đỡ con lăn, 03 con lăn, 02 con lăn chặn biên VL chế tạo SS400)		4,000		
IV	Vật tư phụ						
1	Nhà cung cấp chịu trách nhiệm cung cấp toàn bộ vật tư phụ phục vụ quá trình sửa chữa bảo dưỡng đúng PA số 58/PA-LDA ngày 05/01/2024 và Quy định hiện hành.						

Mục 5: Bồi thường thiệt hại

Trong toàn bộ quá trình sửa chữa và/hoặc đưa hệ thống thiết bị vào vận hành nếu xảy ra các sự cố không thể khôi phục, vận hành hoạt động của thiết bị, thì nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên mời cung cấp bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

a. Hệ thống băng tải tại nhà máy tuyển ảnh hưởng trực tiếp đến việc vận hành toàn bộ quá trình sản xuất quặng tinh của nhà máy tuyển của Bên mời nhà cung cấp. Việc chậm tiến độ sửa chữa, bảo hành, hay chất lượng không đảm bảo

theo phương án sẽ gây dừng nhà máy Tuyển và không đảm bảo nguồn nguyên liệu để cấp sang nhà máy Alumin sản xuất sản phẩm và toàn bộ nhà máy Alumin phải chạy tuần hoàn không tải. Để chạy tuần hoàn không tải nhà máy Alumin phải vận hành nhà máy nhiệt điện cung cấp hơi cho toàn hệ thống nhà máy alumin, do đó phải tiêu hao than cục và than cám, phát sinh chi phí gây thiệt hại cho Bên mời nhà cung cấp. Vì vậy, nhà cung cấp không đảm bảo tiến độ, chất lượng gói cung cấp sẽ gây thiệt hại cho Bên mời nhà cung cấp thì phải bồi thường thiệt hại. Bên nhà cung cấp phải bồi thường thiệt hại chi phí do phải dừng hoạt động sản xuất alumin của nhà máy (chạy tuần hoàn toàn nhà máy alumin). Kết cấu chi phí thiệt hại được tính toán trên cơ sở các chi phí cơ bản để phục vụ duy trì lò hơi đảm bảo cho công tác chạy tuần hoàn toàn bộ dây chuyền sản xuất alumin. Chi phí phải bồi thường cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (chưa bao gồm VAT)	Thành tiền	Ghi chú
1	Than cám 5a.1	tấn	13,153	3.425.900	45.060.863	Chi phí than duy trì lò hơi nhiệt điện (giá than theo quyết định 2376/QĐ-TKV ngày 29/12/2023)
2	Than cục 4a.2	tấn	0,772	6.739.300	5.202.740	
	Tổng chi phí bồi thường (chưa bao gồm thuế GTGT) do chậm chạy lại nhà máy alumin	Đồng/giờ			50.263.603	

Ghi chú:

- Đơn giá than các loại nêu trên tạm tính theo giá bán của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) bán cho Dự án Tổ hợp Bauxite nhôm Lâm Đồng tại thời điểm lập E-HSMT. Khi tính toán giá trị bồi thường thiệt hại xảy ra (nếu có) sẽ lấy theo giá bán của TKV cho Dự án Tổ hợp Bauxite nhôm Lâm Đồng tại thời điểm gây ra thiệt hại;

b. Ngoài trách nhiệm bồi hoàn theo điểm a, mục này, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm pháp lý và/hoặc trách nhiệm bồi thường 100% giá trị thiệt hại thực tế đối với những thiệt hại về người, thiết bị... và các sự cố khác chưa lường trước được do lỗi của nhà cung cấp gây ra. Giá trị bồi thường thiệt hại cụ thể được hai bên thống nhất về giá trị và trách nhiệm bằng biên bản. Trường hợp hai bên không thống nhất với nhau được chi phí thiệt hại thì sẽ cùng nhau mời bên thứ 3 có chức

năng và thẩm quyền thực hiện. Mọi chi phí thuê bên thứ 3 sẽ do bên nhà cung cấp chi trả.

Chương III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**Ngày: _____ [*Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng*]

Tên Nội dung sửa chữa: Sửa chữa lớn băng tải thu sản phẩm máy rửa cánh vuông TR.01.Bc101, TR.01.Bc102.

Kính gửi: [*Điền tên đầy đủ của Bên mời chào giá*]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [*Ghi tên Nhà cung cấp*], cam kết thực hiện Nội dung Sửa chữa lớn băng tải thu sản phẩm máy rửa cánh vuông TR.01.Bc101, TR.01.Bc102 theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [*Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của Nội dung sửa chữa*].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là Nhà cung cấp dịch vụ chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu khi tham gia chào hàng cạnh tranh sửa chữa thiết bị.
5. Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện Nội dung Sửa chữa lớn băng tải thu sản phẩm máy rửa cánh vuông TR.01.Bc101, TR.01.Bc102 đảm bảo chất lượng, tiến độ và tuân thủ các quy định về chế độ bảo hành cũng như các yêu cầu khác theo đúng quy định của Bản yêu cầu báo giá. Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại Đơn chào hàng này.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ... ngày, kể từ ngày _____ [*Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng hồ sơ báo giá*].

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Khi tham dự gói cung cấp, Nhà cung cấp dịch vụ phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì Báo giá của Nhà cung cấp dịch vụ sẽ bị loại.

Mẫu số 02-1

1. Tổng hợp giá chào:

TT	Yếu tố chi phí	Phương pháp tính	Giá trị (VN đồng)
1	Nguyên vật liệu.		
2	Nhiên liệu		
3	Động lực		
4	Tiền lương		
	- Lao động trực tiếp		
	- Gián tiếp, phục vụ, phụ trợ		
5	BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN và KPCĐ		
6	Khấu hao tài sản		
7	Chi phí khác		
I	Giá trị sửa chữa (1÷7)		
II	Lợi nhuận định mức		
III	Thuế, phí, lệ phí		
	Tổng hợp giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)		

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các yếu tố chi phí Vật tư vật liệu, Nhân công trực tiếp được kết chuyển từ biểu tính tại Mẫu số 02-2 và Mẫu số 02-3 của Phần này.

- Các yếu tố chi phí còn lại được tính toán trên cơ sở Văn bản số: 4438/TKV-KH ngày 21/09/2017 Về việc hướng dẫn xây dựng đơn giá chế tạo, sửa chữa sản phẩm cơ khí của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam cụ thể như sau:

+ Chi phí nhiên liệu được tính trên cơ sở định mức, hướng dẫn của Nhà nước, tập đoàn và giá cả tại thời điểm.

+ Chi phí động lực tính trên cơ sở định mức do TKV hướng dẫn và/hoặc định mức do các đơn vị xây dựng. Giá điện xác định tại thời điểm.

+ Chi phí cho bộ phận lao động gián tiếp, phục vụ, phụ trợ không quá 27% chi phí cho bộ phận lao động trực tiếp.

+ Chi phí bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT); bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) và kinh phí công đoàn (KPCĐ) được xác định theo các quy định của Nhà nước tại thời điểm.

+ Chi phí khấu hao tài sản tính bằng (%) tổng chi phí từ mục (1) đến mục (5), tính không quá 1%.

+ Chi phí khác tính bằng (%) x tổng chi phí từ mục (1) đến mục (6), tính không quá 3,5%.

+ Lợi nhuận định mức tính bằng (%) x tổng chi phí từ mục (1) đến mục (7), tính không quá 1%.

Mẫu Bảng tổng hợp giá chào bao gồm 4 phần (1 – Tổng hợp giá chào; 2 – Chi phí vật tư vật liệu; 3 – Chi phí nhân công trực tiếp).

2. Chi phí vật tư vật liệu

TT	Cụm/Hệ thống/ Chi tiết	Xuất xứ	Đvt	Số chế tạo/ Quy cách	Số lượng SC		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
					Thay mới	Phục hồi		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Cụm/Hệ thống 1							
1	Chi tiết 1							
2	Chi tiết 2							
3							
II	Cụm/Hệ thống 2							
1	Chi tiết 1							
2	Chi tiết 2							
3							
...	Các chi tiết và vật liệu phụ							
1	Chi tiết 1							
2	Chi tiết 2							
3							
	Tổng cộng I+II+... <i>(Kết chuyển sang phần Tổng hợp giá chào)</i>							

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) theo số liệu tại bảng tiên lượng khối lượng của Bên mời cung cấp dịch vụ.

- Cột (7) (8) do Nhà cung cấp dịch vụ chào.

3. Chi phí nhân công trực tiếp

TT	Cụm/Hệ thống/ Chi tiết	Số công	Bậc thợ	Đơn giá tiền lương (đồng/công)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I	Tiếp nhận, vệ sinh, phân loại, giám định kỹ thuật					
II	Cụm/Hệ thống số 1					
1	Gia công phục hồi					
2	Lắp ráp					
3	Nghiệm thu hiệu chỉnh					
					
III	Cụm/Hệ thống số 2					
1	Gia công phục hồi					
2	Lắp ráp, hiệu chỉnh					
3	Nghiệm thu hiệu chỉnh					
					
...	Lắp ráp tổng thể, hiệu chỉnh, chạy thử					
....	Nghiệm thu, bàn giao					
	Tổng cộng I+II+III... <i>(Kết chuyển sang phần Tổng hợp giá chào)</i>					

Đại diện Nhà cung cấp dịch vụ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Biểu này do Nhà cung cấp lập trên cơ sở các nội dung công việc được xác định tại bảng tiên lượng khối lượng sửa chữa của Bên mời cung cấp dịch vụ.

DỰ THẢO
HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA THIẾT BỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG

Số: /2024/HĐ-LDA

Về việc Sửa

Thuộc kế hoạch:.....

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;
- Căn cứ Quy định sửa chữa tài sản cố định là thiết bị của Tập đoàn TKV;
- Căn cứ Kế hoạch Phối hợp kinh doanh năm 20...ban hành kèm theo Quyết định số ___ ngày ___ của Tập đoàn TKV;
- Căn cứ Quyết định số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của ___ về việc phê duyệt lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ ___ [*Ghi tên Nội dung sửa chữa*] và thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của bên mời cung cấp dịch vụ;
- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng đã được Bên mời chào giá và Nhà cung cấp được lựa chọn ký ngày ___ tháng ___ năm ___;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A: Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV

- Đại diện: Ông/Bà _____ Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: _____ Fax: _____
- E-mail:
- Tài khoản:
- Mã số thuế:
- Đại diện là ông/bà:
- Chức vụ:
- Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*)

Bên B:

- Đại diện: Ông/Bà _____ Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: _____ Fax: _____
- Email:
- Tài khoản:
- Mã số thuế:

- Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc sửa chữa cấp thiết bị.....theo đúng các nội dung và yêu cầu kỹ thuật đã thống nhất

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ của nhà cung cấp được lựa chọn (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung công việc và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo cam kết nêu trong Bản yêu cầu báo giá, tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật và của TKV trong và sau quá trình thi công, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản; Đồng tiền thanh toán: VND

b) Thời hạn thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị thanh quyết toán theo từng đợt, sau khi đã khấu trừ tiền tạm ứng và các khoản khấu trừ khác (nếu có) trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp lệ.

c) Số lần thanh toán ___ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của Nội dung sửa chữa mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

3. Tạm ứng hợp đồng: Không tạm ứng hợp đồng:

+ Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị hoàn thành theo hợp đồng sau khi đã khấu trừ tiền tạm ứng và các khoản khấu trừ khác(nếu có) trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày bên mời thầu nhận được đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp lệ.

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Liên tục, tối đa 15 ngày/ Thiết bị, kể từ ngày bàn giao mặt bằng và thiết bị, thời gian trên bao gồm các ngày nghỉ, ngày lễ trừ trường hợp bất khả kháng.

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: *[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của Nội dung sửa chữa]*.

2. Sau khi hai bên tổ chức giám định kỹ thuật bước II, trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng không do lỗi của bên B, hai bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (chỉ áp dụng đối với trường hợp Bên B là công ty liên kết)

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 07 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ cuối tuần) kể từ ngày ký hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nộp tiền mặt, chuyển khoản cho bên A hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp tại Việt nam phát hành được bên A chấp thuận (Bảo lãnh được ngân hàng cam kết không hủy ngang và được tước thu vô điều kiện khi bên A yêu cầu).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là đồng (Bằng chữ:), tương đương khoảng 3% tổng giá trị của hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày Bên B nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A đến ngày 31/12/2024 hoặc ngày Bên B hoàn thành các nội dung công việc theo hợp đồng, nghiệm thu bàn giao, chuyển sang nghĩa vụ bảo hành, tùy theo điều kiện nào đến trước.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho bên A khi bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc xác nhận cho Bên B để giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng ngay sau khi hoặc không chậm hơn 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành các công việc theo hợp đồng, nghiệm thu bàn giao, chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

4. Bên A sẽ tước thu toàn bộ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên A sẽ tước thu toàn bộ giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau:

+ Bên B từ chối thực hiện Hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực;

+ Thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng;

+ Vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng;

+ Trường hợp do lỗi của mình, không được bên A chấp thuận gia hạn, Bên B chậm tiến độ quá 15 ngày theo tiến độ quy định tại Mục 6 của Hợp đồng;

+ Bên nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

Điều 9. Thưởng phạt và chấm dứt hợp đồng

1. Thưởng phạt hợp đồng:

a) Bên B có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc không muộn hơn tiến độ đã cam kết và ghi trong Hợp đồng. Trường hợp chậm tiến độ mà không do các nguyên nhân bất khả kháng hoặc do khách quan, Bên B sẽ bị phạt 1,0% cho 1 tuần chậm tiến độ. Tối đa mức phạt chậm tiến độ không quá 5% giá trị Hợp đồng (trước VAT).

2. Phạt bồi thường chi phí:

Trong toàn bộ quá trình sửa chữa và/hoặc đưa hệ thống thiết bị vào vận hành nếu xảy ra các sự cố không thể khôi phục, vận hành hoạt động của thiết bị, thì nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên mời thầu bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

a. Hệ thống băng tải tại nhà máy tuyến ảnh hưởng trực tiếp đến việc vận hành toàn bộ quá trình sản xuất quặng tinh của nhà máy tuyển của Bên mời nhà cung cấp. Việc chậm tiến độ sửa chữa, bảo hành, hay chất lượng không đảm bảo theo phương án sẽ gây dừng nhà máy Tuyển và không đảm bảo nguồn nguyên liệu để cấp sang nhà máy Alumin sản xuất sản phẩm và toàn bộ nhà máy Alumin phải chạy tuần hoàn không tải. Để chạy tuần hoàn không tải nhà máy Alumin phải vận hành nhà máy nhiệt điện cung cấp hơi cho toàn hệ thống nhà máy alumin, do đó phải tiêu hao than cục và than cám, phát sinh chi phí gây thiệt hại cho Bên mời nhà cung cấp. Vì vậy, nhà cung cấp không đảm bảo tiến độ, chất lượng gói cung cấp sẽ gây thiệt hại cho Bên mời nhà cung cấp thì phải bồi thường thiệt hại. Bên nhà cung cấp phải bồi thường thiệt hại chi phí do phải dừng hoạt động sản xuất alumin của nhà máy (chạy tuần hoàn toàn nhà máy alumin). Kết cấu chi phí thiệt hại được tính toán trên cơ sở các chi phí cơ bản để phục vụ duy trì lò hơi đảm bảo cho công tác chạy tuần hoàn toàn bộ dây chuyền sản xuất alumin. Chi phí phải bồi thường cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (chưa bao gồm VAT)	Thành tiền	Ghi chú
1	Than cám 5a.1	tấn	13,153	3.425.900	45.060.863	Chi phí than duy trì lò hơi nhiệt điện (giá than theo quyết định 2376/QĐ-TKV ngày 29/12/2023)
2	Than cục 4a.2	tấn	0,772	6.739.300	5.202.740	
	Tổng chi phí bồi thường (chưa bao gồm thuế GTGT) do chậm chạy lại nhà máy alumin	Đồng/giờ			50.263.603	

Ghi chú:

- Đơn giá than các loại nêu trên tạm tính theo giá bán của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) bán cho Dự án Tổ hợp Bauxite nhôm Lâm Đồng tại thời điểm lập E-HSMT. Khi tính toán giá trị bồi thường thiệt hại xảy ra (nếu có) sẽ lấy theo giá bán của TKV cho Dự án Tổ hợp Bauxite nhôm Lâm Đồng tại thời điểm gây ra thiệt hại;

b. Ngoài trách nhiệm bồi hoàn theo điểm a, mục này, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm pháp lý và/hoặc trách nhiệm bồi thường 100% giá trị thiệt hại thực tế đối với những thiệt hại về người, thiết bị... và các sự cố khác chưa lường trước được do lỗi của nhà cung cấp gây ra. Giá trị bồi thường thiệt hại cụ thể được hai bên thống nhất về giá trị và trách nhiệm bằng biên bản. Trường hợp hai bên không thống nhất với nhau được chi phí thiệt hại thì sẽ cùng nhau mời bên thứ 3 có chức năng và thẩm quyền thực hiện. Mọi chi phí thuê bên thứ 3 sẽ do bên nhà cung cấp chi trả.

Chấm dứt hợp đồng: Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

- Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 2 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

- Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 2 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tư vấn giám sát

Bên A thực hiện quyền Tư vấn giám sát đối với các công việc nêu trong hợp đồng.

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà cung cấp về việc tổ chức thực hiện các nội dung công việc và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà cung cấp phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Điều 11. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà cung cấp phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho Nội dung sửa chữa đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật. Các thiết bị phục vụ công tác sửa chữa phải đảm bảo an toàn trong vận hành. Các vật tư dùng trong sửa chữa được tuân thủ đúng cam kết tại Hồ sơ chào hàng.

Điều 12. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

Nhà cung cấp bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành tài sản cố định sau sửa chữa như đã nêu trong thời hạn: 12 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị cho Bên mời chào giá.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành, Bên A sẽ thông

báo cho Nhà cung cấp về các sai sót trong Nội dung sửa chữa. Thời hạn bảo hành Nội dung sửa chữa phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, Nhà cung cấp phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Bên A đã thông báo.

Nếu Nhà cung cấp không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được Bên A quy định tại thông báo sai sót trong Nội dung sửa chữa thì Bên A được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Nhà cung cấp sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

Ghi chú: Giá trị bảo hành.

- Khoản tiền bảo hành có giá trị bằng năm phần trăm (5%) phần giá trị của công việc do Bên B thực hiện được nghiệm thu.

- Tiền bảo hành (tạm giữ lại) sẽ được Bên A trừ trực tiếp trong đợt thanh toán Hợp đồng. Khoản tiền bảo hành tạm giữ lại sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B sau khi kết thúc thời gian bảo hành và được Bên A xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

Điều 13. Nghiệm thu, hoàn công

Sau khi thiết bị được sửa chữa, Bên B tổ chức nghiệm thu thiết bị theo đúng Quy định hiện hành về sửa chữa tài sản cố định là thiết bị của TKV.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành bộ, Bên mời chào giá giữ bộ, nhà cung cấp giữ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]